yuǎn chù

远处

s · distant place

Example Sentences

cóng chuāng kǒu néng kàn jiàn yuǎn chù de shān
从 窗 口 能 看 见 远 处 的 山 。

You can see the distant mountains from the window.

tā xié shì zhe yuǎn chù de fēng jǐng
他斜视着 远 处 的 风 景 。

He squints at the distant scenery.

tā yòng shǒu zhǐ zhe yuǎn chù de shān fēng
他 用 手 指着 远 处 的 山 峰 。

He pointed at the distant mountain peak with his finger.

Trace each character, then write the word on your own.